

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN DƯƠNG KINH  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST  
Ngày 18-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN DƯƠNG KINH - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Kim Dũng.

Ông Phạm Thanh Giản

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Đình Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 557/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 586/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trụ sở chính: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng T, chức vụ: Chuyên viên tổ tụng của ngân hàng (theo văn bản ủy quyền số 5016/2019/UQ-SeABank ngày 16-04-2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị L, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại các bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11-10-2017, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn Ch, bà Trịnh Thị Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng từng lần số 564/2017/HĐTDTL-PKHCN ngày 11-10-2017 và Giấy nhận nợ ngày 13-10-2017. Theo đó, Ngân hàng đã cho ông Ch và bà Th vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày 13-10-2017 đến ngày 13-10-2027; mục đích vay vốn: Thanh toán một phần tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại tổ dân phố N, phường A, quận Dương Kinh; lãi suất cho vay trong hạn là tại thời điểm cho vay là 11,9%/năm, lãi suất quá hạn 17,85%/năm, được điều chỉnh theo lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ; phương thức thanh toán: Số tiền gốc phải trả hàng tháng bằng nhau, lãi trả trên dư nợ thực tế, trả vào ngày cuối tháng. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân, ông Ch và bà Th đã nhận đủ 500.000.000 đồng tiền vay.

Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 564/2017/BĐ-PKHCN ngày 11-10-2017 tại Văn phòng công chứng Hải Phòng, số công chứng 4464 quyền số 02/2017.TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Ch, bà Th và Ngân hàng. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 13-10-2017. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK920305, số vào sổ GCN.CH 01828/Q2 do Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-9-2017 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Trịnh Thị Th. Tài sản thế chấp trên còn bao gồm cả những phần xây dựng, sửa chữa thêm nếu có của Ông Ch và bà Th.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và ký nhận tiền vay tại giấy nhận nợ, ông Ch và bà Th đã không trả nợ gốc, lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Khoản vay của ông Ch, bà Th đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 28-05-2018. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông Ch, bà Th không trả nợ.

Tính đến ngày 17-9-2020, ông Ch và bà Th mới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 29.166.662 đồng, nợ lãi 28.765.170 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Ch, bà Th trả Ngân hàng toàn bộ số nợ còn lại tính đến ngày 17-9-2020 là 633.087.686 (sáu trăm ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc là 470.833.338 (bốn trăm bảy mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn 121.803.317 (một trăm hai mươi một triệu, tám trăm linh ba nghìn, ba trăm mười bảy) đồng, lãi quá

hạn 40.451.031 (bốn mươi triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn, không trăm ba mươi một) đồng.

Trường hợp ông Ch, bà Th không trả được hết nợ gốc và số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản để thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Trường hợp sau khi đã phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông Ch, bà Th có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp cho hộ ông Ch, bà Th thế chấp cho Ngân hàng, xác định tài sản thế chấp vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp. Trên diện tích đất thế chấp có nhà xây cấp 4 và công trình phụ khép kín, hiện tại vẫn do ông Ch, bà Th sử dụng hợp pháp không có tranh chấp với người thứ ba.

Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ và thông báo về việc tham gia tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Ch, bà Th và bà L đã được tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không cung cấp lời khai và không cung cấp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã tổng đạt hợp lệ nhưng ông Ch, bà Th, bà L đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại đơn đề nghị nộp ngày 21-8-2020, ông Ch và bà Th trình bày: Vào năm 2017, ông, bà có vay của ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, có thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của ông bà, mục đích vay để trả tiền mua đất và sửa nhà. Đến nay, do điều kiện khó khăn nên ông bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện để ông bà trả dần mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng trừ vào số tiền gốc, đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm lãi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Ch và bà Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ của hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 17-9-2020 là 633.087.686

(sáu trăm ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc là 470.833.338 (bốn trăm bảy mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn 121.803.317 (một trăm hai mươi một triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười bảy) đồng, lãi quá hạn 40.451.031 (bốn mươi triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn không trăm ba mươi một) đồng. Buộc ông Ch và bà Th phải tiếp tục trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính trên số tiền nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp ông Ch và bà Th không thực hiện việc trả nợ thì đề nghị kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Ch và bà Th là quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK920305, sổ vào sổ GCN.CH 01828/Q2 do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-9-2017 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Trịnh Thị Th theo hợp đồng thế chấp tài sản để thu hồi nợ.

Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Ch và bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *- Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Ch và bà Th, mục đích vay tiền để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sửa nhà nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Ông Ch và bà Th có nơi cư trú tại phường A, quận D, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của bà Phạm Thị L: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án xác định bà Phạm Thị L là mẹ đẻ của ông Ch, hiện nay đang sinh sống trên tài sản là quyền sử dụng đất của ông Ch, bà Th. Tòa án đã thông báo bổ sung bà Phạm Thị L tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã gửi và thông báo các văn bản tố tụng cho bà L, yêu cầu bà L cung cấp ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bà L không có ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng. Đến thời điểm xét xử vụ án, Hội

đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà L nên không xác định bà L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3] Hợp đồng tín dụng từng lần số 564/2017/HĐTDTL-PKHCN ngày 11-10-2017 và Giấy nhận nợ ngày 13-10-2017 giữa Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Hải Phòng và ông Ch, bà Th được ký trên cơ sở tự nguyện của các bên, hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng, phụ lục phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, là hợp đồng dân sự hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày giao kết, có hiệu lực thi hành.

[4] Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Ch và bà Th số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng để trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sửa nhà. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ch, bà Th đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi như thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 17-9-2020, Ngân hàng xác định dư nợ của ông Ch, bà Th theo hợp đồng tín dụng là 633.087.686 đồng, trong đó: nợ gốc là 470.833.338 đồng, nợ lãi trong hạn 121.803.317 đồng, lãi quá hạn 40.451.031 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Ch và bà Th phải trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ngoài ra, ông Ch, bà Th phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng số 564/2017/HĐTDTL-PKHCN ngày 11-10-2017 và Giấy nhận nợ ngày 13-10-2017 kể từ ngày 18-9-2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

[6] Về yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Ch và bà Th đã dùng tài sản của ông bà là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thế chấp cho Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp tài sản số 564/2017/BĐ-PKHCN ngày 11-10-2017 tại Văn phòng công chứng Hải Phòng, số công chứng 4464 quyền số 02/2017.TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Ch, bà Th và Ngân hàng; tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 13-10-2017. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK920305, số vào sổ GCN.CH 01828/Q2 do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-9-2017 cho chủ sử dụng là Ông Nguyễn Văn Ch và vợ là bà Trịnh Thị Th. Hợp đồng thế chấp giữa ông Ch và bà Th ký kết với Ngân hàng là hợp pháp, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

[7] Theo hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp các bên xác định là giá trị quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Ch, bà Th. Theo hợp đồng tín dụng và thực tế, ông Ch và bà Th vay tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sửa nhà trên đất. Trong thực tế, ông Ch và bà Th đã tiến hành sửa chữa căn nhà cấp 4 trên đất để ở. Vì vậy, có cơ sở xác định tài sản là nhà trên đất thuộc sở hữu hợp pháp của ông Ch, bà Th hiện nay không có tranh chấp. Do đó, trường hợp ông Ch, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của ông Ch, bà Th để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp với cam kết tại Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*- Về án phí:*

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Ch, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*- Về quyền kháng cáo đối với bản án:*

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 317, 318, 319, 463, 465, 466; Điều 500 đến 502 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 90, 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ:

Buộc ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ theo Hợp đồng tín dụng số 564/2017/HĐTDTL-PKHCN

ngày 11-10-2017 và Giấy nhận nợ ngày 13-10-2017 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17-9-2020 là 633.087.686 (sáu trăm ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm tám mươi sáu) đồng, trong đó: nợ gốc là 470.833.338 (bốn trăm bảy mươi triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn 121.803.317 (một trăm hai mươi một triệu, tám trăm lẻ ba nghìn, ba trăm mười bảy) đồng, lãi quá hạn 40.451.031 (bốn mươi triệu, bốn trăm năm mươi một nghìn không trăm ba mươi một) đồng.

Kể từ ngày 18 tháng 09 năm 2020, ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 564/2017/HĐTDTL-PKHCHN ngày 11-10-2017 và Giấy nhận nợ ngày 13-10-2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này của hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th không trả hoặc trả không đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại theo quy định pháp luật đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng 70m<sup>2</sup> (bảy mươi mét vuông) đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Ch, bà Th tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 120 tại Tổ dân phố N, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK920305, số vào sổ cấp GCN: CH 01828/Q2 do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13-9-2017 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 564/2017/BĐ-PKHCHN ngày 11-10-2017 ký tại Văn phòng công chứng Hải Phòng, số công chứng 4464 quyển số 02/2017.TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Ch, bà Th và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận D ngày 13-10-2017.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đến khi trả đủ khoản nợ.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 12.640.000 (mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0014370 ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th phải chịu 29.323.507 (hai mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm linh bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

#### **4. Về quyền kháng cáo:**

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Nguyễn Văn Ch và bà Trịnh Thị Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Dương Kinh;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Dương Kinh;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**